

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 17,750 VNĐ |         |         |
| 30/09/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 3.1%       | -12.9%  | -17.6%  |

|     |       |                   |
|-----|-------|-------------------|
|     | Q3/24 |                   |
| ROE | 5.4%  | +/- YoY<br>▲ 1.3% |

|          |        |                         |                         |
|----------|--------|-------------------------|-------------------------|
|          | Q3/24  |                         |                         |
| DT thuần | 709    | QoQ<br>▼ 9.00<br>▼ 1.2% | YoY<br>▲ 152<br>▲ 27.3% |
|          | tỷ VNĐ |                         |                         |

|          |         |                         |
|----------|---------|-------------------------|
|          | 9T 2024 |                         |
| DT thuần | 2,013   | YoY<br>▲ 458<br>▲ 29.5% |
|          | tỷ VNĐ  |                         |

|        |        |                         |                          |
|--------|--------|-------------------------|--------------------------|
|        | Q3/24  |                         |                          |
| LN gộp | 220    | QoQ<br>▼ 1.00<br>▼ 0.2% | YoY<br>▲ 41.0<br>▲ 23.2% |
|        | tỷ VNĐ |                         |                          |

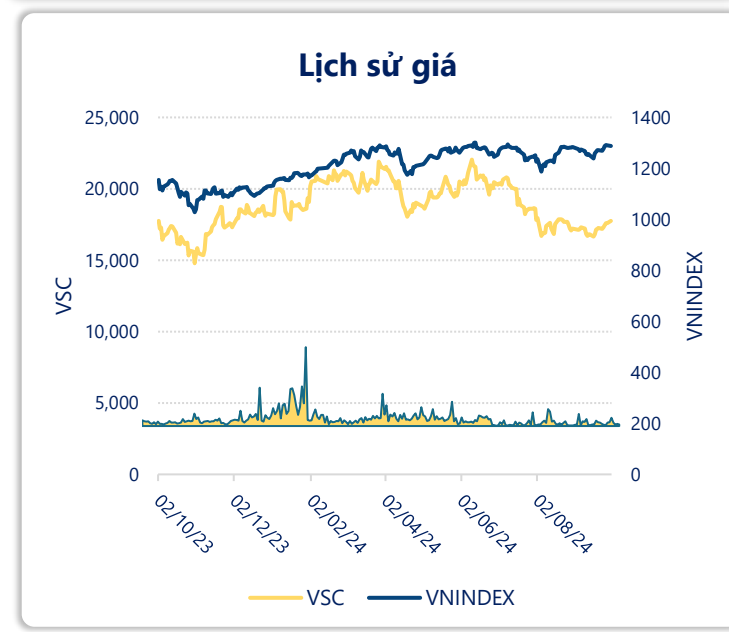
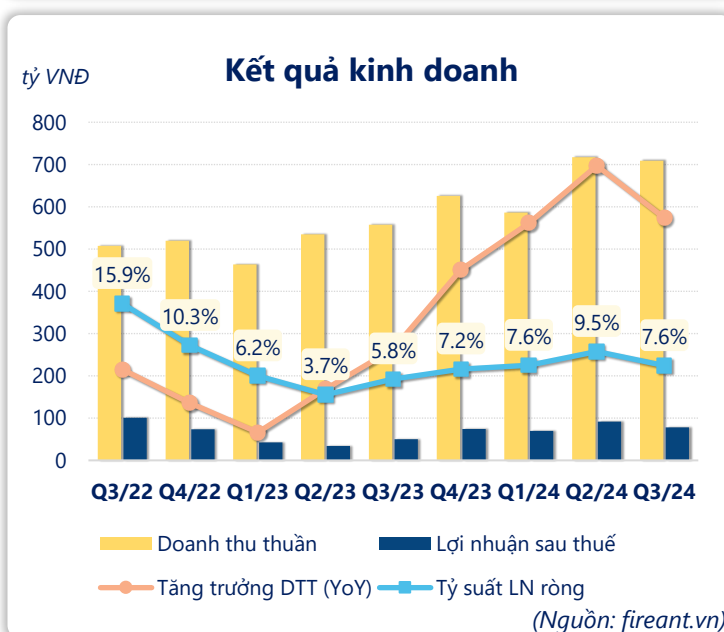
|        |         |                         |
|--------|---------|-------------------------|
|        | 9T 2024 |                         |
| LN gộp | 645     | YoY<br>▲ 181<br>▲ 39.0% |
|        | tỷ VNĐ  |                         |

|          |        |                         |                          |
|----------|--------|-------------------------|--------------------------|
|          | Q3/24  |                         |                          |
| LN thuần | 106    | QoQ<br>▼ 12.0<br>▼ 9.8% | YoY<br>▲ 42.3<br>▲ 67.1% |
|          | tỷ VNĐ |                         |                          |

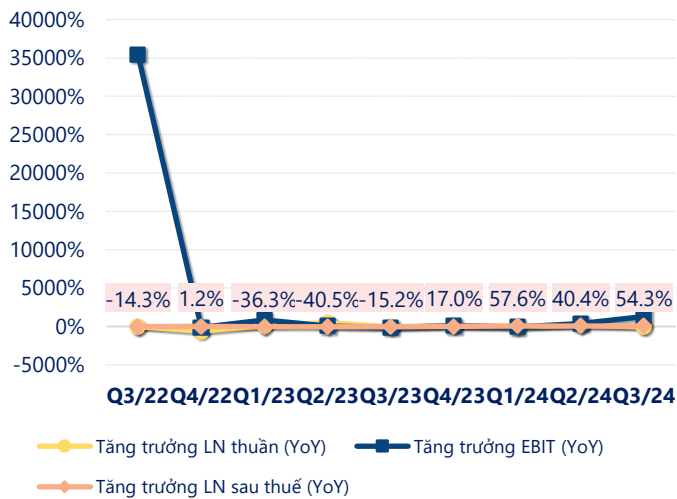
|          |         |                         |
|----------|---------|-------------------------|
|          | 9T 2024 |                         |
| LN thuần | 315     | YoY<br>▲ 141<br>▲ 81.0% |
|          | tỷ VNĐ  |                         |

|             |        |                          |                          |
|-------------|--------|--------------------------|--------------------------|
|             | Q3/24  |                          |                          |
| LN sau thuế | 78.2   | QoQ<br>▼ 13.3<br>▼ 14.6% | YoY<br>▲ 28.0<br>▲ 55.8% |
|             | tỷ VNĐ |                          |                          |

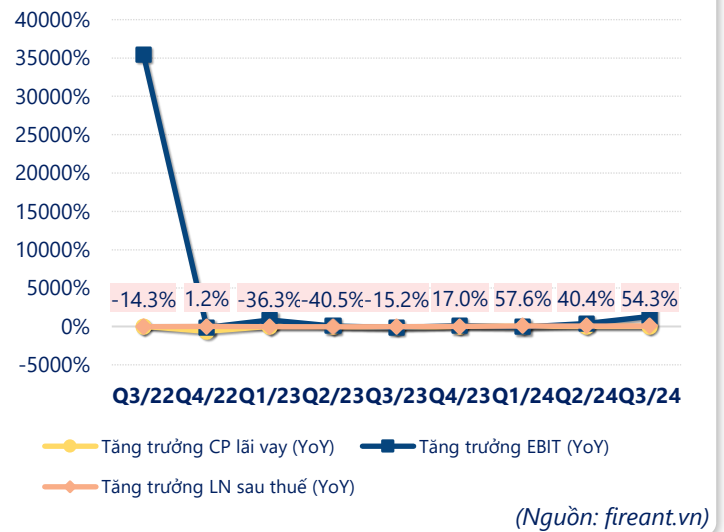
|             |         |                         |
|-------------|---------|-------------------------|
|             | 9T 2024 |                         |
| LN sau thuế | 240     | YoY<br>▲ 113<br>▲ 88.3% |
|             | tỷ VNĐ  |                         |



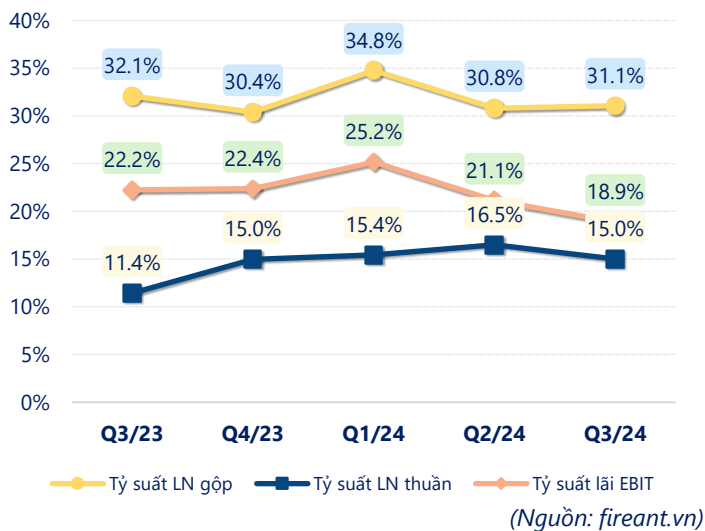
### Tăng trưởng lợi nhuận



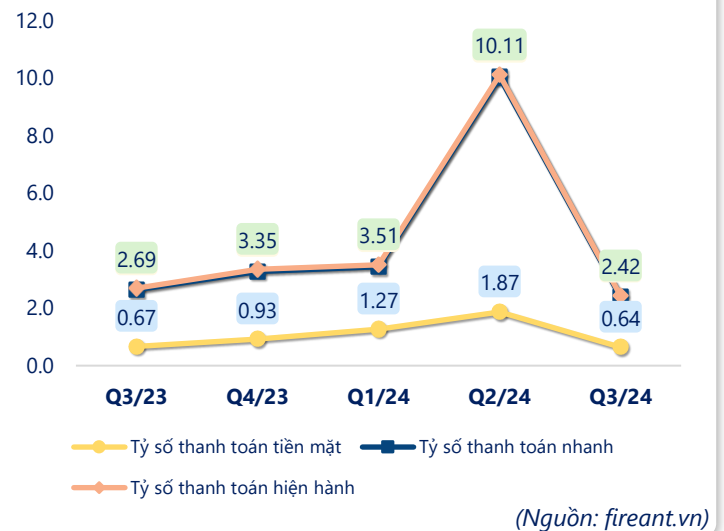
### Tăng trưởng chi phí



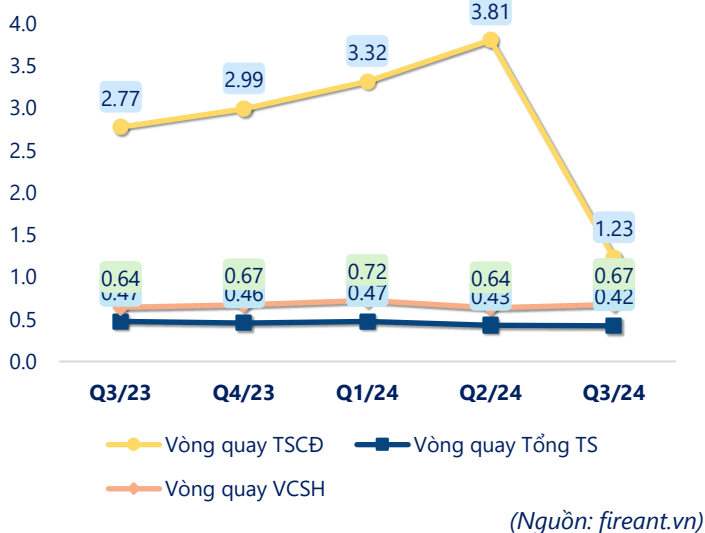
### Tỷ suất lợi nhuận



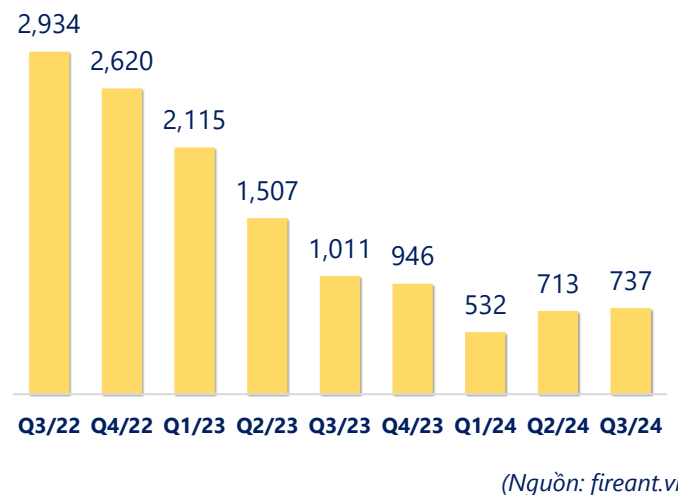
### Chỉ số thanh khoản



### Vòng quay tài sản



### EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi<br>YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi<br>YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần                | 709   | 557   | 27.3%           | 2,013   | 1,555   | 29.5%           |
| Giá vốn hàng bán               | 489   | 378   | 29.3%           | 1,368   | 1,091   | 25.4%           |
| Lợi nhuận gộp                  | 220   | 179   | 23.2%           | 645     | 464     | 39.0%           |
| Doanh thu HĐTC                 | 14.9  | 8.94  | 66.5%           | 44.1    | 22.8    | 93.5%           |
| Chi phí TC                     | 31.7  | 57.1  | -44.5%          | 129     | 130     | -0.6%           |
| Chi phí lãi vay                | 30.5  | 57.4  | -46.9%          | 127     | 126     | 0.5%            |
| LN trong công ty LKLD          | -1.03 | 0.00  |                 | -11.1   | -8.99   | -23.2%          |
| Chi phí bán hàng               | 46.9  | 34.9  | 34.4%           | 108     | 78.3    | 38.4%           |
| Chi phí QLDN                   | 49.3  | 32.0  | 53.9%           | 126     | 95.8    | 31.4%           |
| LN thuần từ HĐKD               | 106   | 63.7  | 67.1%           | 315     | 174     | 81.0%           |
| Lợi nhuận khác                 | -2.98 | 2.83  | -205%           | -8.96   | -2.65   | -239%           |
| LN trước thuế                  | 103   | 66.6  | 55.4%           | 306     | 172     | 78.6%           |
| Lợi nhuận sau thuế             | 78.2  | 50.2  | 55.8%           | 240     | 127     | 88.3%           |
| LNST của CĐ cty mẹ             | 53.9  | 32.5  | 65.8%           | 167     | 81.4    | 105%            |

(Nguồn: fireant.vn)

